

TUYỂN SINH
Đề án tuyển sinh

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
- Mã trường: BVH và BVS
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và cơ sở đào tạo):
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp
- Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất
- Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:
- Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)
- Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>
- Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://daotao.ptit.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

- Tuyển sinh chính quy đại học
 - 1.1. Phương thức tuyển sinh
 - 1.2. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh
 - 1.3. Phạm vi tuyển sinh (Địa lý)
 - 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh
 - 1.5. Ngưỡng đầu vào
 - 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: Học bổng, nguyên tắc xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.
 - 1.7. Chính sách ưu tiên
 - 1.8. Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển
 - 1.9. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.
 - 1.10. Lệ phí xét tuyển
 - 1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy
 - 1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm
 - 1.13. Các nội dung khác
 - 1.14. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước
 - 1.15. Tài chính

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM (Mẫu số 01)



Nội dung chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

2. Mã trường: BVH và BVS

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và cơ sở đào tạo):

TRỤ SỞ CHÍNH

122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH)

Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

Cổng thông tin điện tử: <https://ptit.edu.vn>

Cổng thông tin đào tạo: <https://daotao.ptit.edu.vn>

Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

Trang fanpage tuyển sinh: <https://facebook.com/ptittuyensinh>

Trang fanpage Học viện: <https://facebook.com/HocvienPTIT>

Trang Zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH):

ĐT: (024) 33528122, (024) 33512252

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)

ĐT: (028) 38297220; Fax: (028) 39105510

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Học viện:

<https://portal.ptit.edu.vn/bao-cao-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2022-khao-sat-nam-2023-cua-hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH)



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

			sinh	học	nghịệp	co việc iam
1	Kinh doanh và quản lý	Đại học	650	647	709	
1.1	Marketing	Đại học	210	207	197	95.65%
1.2	Kế toán	Đại học	200	195	244	92.45%
1.3	Thương mại điện tử	Đại học	60	69	45	87.32%
1.4	Quản trị kinh doanh	Đại học	180	176	223	81.30%
2	Máy tính và công nghệ thông tin	Đại học	820	912	716	
2.1	Công nghệ thông tin	Đại học	620	696	549	94.50%
2.2	An toàn thông tin	Đại học	200	216	167	96.53%
3	Công nghệ kỹ thuật	Đại học	250	216	171	
3.1	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	Đại học	250	216	171	92.75%
4	Kỹ thuật	Đại học	400	405	327	
4.1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	Đại học	400	405	327	91.32%
5	Báo chí và thông tin	Đại học	340	355	312	
5.1	Truyền thông đa phương tiện	Đại học	120	126	130	92.86%
5.2	Công nghệ đa phương tiện	Đại học	220	229	182	89.70%
	Tổng		2460	2535	2235	

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)

TT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1	Kinh doanh và quản lý	Đại học	240	232	196	
1.1	Marketing	Đại học	80	86	72	88.89%
1.2	Quản trị kinh doanh	Đại học	80	70	68	85.29%
1.3	Kế toán	Đại học	80	76	56	85.45%
2	Máy tính và công nghệ thông tin	Đại học	240	267	155	
2.1	Công nghệ thông tin	Đại học	170	188	102	88.24%
2.2	An toàn thông tin	Đại học	70	79	53	88.46%
3	Công nghệ kỹ thuật	Đại học	120	85	58	
3.1	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	Đại học	120	85	58	89.47%
4	Kỹ thuật	Đại học	120	111	57	
4.1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	Đại học	120	111	57	84.48%
5	Báo chí và thông tin	Đại học	70	71	52	
5.1	Công nghệ đa phương tiện	Đại học	70	71	52	89.80%
	Tổng		790	766	518	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2022, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 04 phương thức tuyển sinh để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy. Gồm có: (1) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, (2) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022, (3) Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên với kết quả học tập ở bậc THPT và (4) Xét tuyển dựa vào kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

Năm 2023, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 04 phương thức tuyển sinh để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy. Gồm có: (1) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, (2) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023, (3) Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc Thành tích học



8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/Ngành / tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2022								Năm tuyển sinh 2023							
		Chỉ tiêu			Số nhập học			Điểm TT		Chỉ tiêu			Số nhập học			Điểm TT	
		Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS
Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý																	
Quản trị kinh doanh (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							25.55	21.7							25.15	22.80
Quản trị kinh doanh (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	235	190	45	253	198	55	23.03	26.25	260	210	50	270	216	54	20.87	-
Quản trị kinh doanh	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							18.05	-							16	-
Marketing (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT	315	245	70	331	247	84	26.10	24.85	350	270	80	357	271	86	25.8	24.10
Marketing (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp							25.5	24.18							25.69	23.53
Marketing	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							19.7	17.98							16	18.20
Kế toán (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							25.35	22.90							25.05	20.00
Kế toán (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	230	165	65	244	173	71	23.04	-	250	180	70	256	183	73	21.86	21.67
Kế toán	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							18.15	-							16	-
Thương mại điện tử (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							26.35	-							26.20	-
Thương mại điện tử (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	120	120	-	120	-	-	26.82	-	130	130	-	132	132	-	26.76	-
Thương mại điện tử	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							20.7	-							18.9	-
Công nghệ tài chính (Fintech) (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							25.85	-							25.35	-
Công nghệ tài chính (Fintech) (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	110	110	-	116	116	-	24.27	-	120	120	-	123	123	-	26.47	-
Công nghệ tài chính (Fintech)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							19.65	-							16.25	-



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

(A00, A01)	THPT																	
Công nghệ thông tin (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	890	720	170	910	713	197	27.97	22.77	930	730	200	932	734	198	28.03	22.82	
Công nghệ thông tin	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							21.5	16.45						20.05	17.10		
Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu) (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT	120	120	-	130	133	-	26.90	-						26.55	-		
Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu) (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	130	130	-	127	127	28.1	-		
Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu) (A00, A01)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD	-	-	-	-	-	-	-	-						20.65	-		
An toàn thông tin (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							26.70	25.05						26.04	24.44		
An toàn thông tin (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	300	240	60	315	249	66	27.06	23.41	330	260	70	336	265	71	27.43	24.04	
An toàn thông tin	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							20.65	18.98						18.85	18.38		
Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (Kỹ thuật dữ liệu) (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT	-	-	-	-	-	-	-	-	80	80	0	82	82	0	24.88	-	
Công nghệ thông tin (Cử nhân) (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT	-	-	-	-	-	-	-	-	180	180	0	179	179	0	23.76	-	
Công nghệ Internet vạn vật (IoT) (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							-	20.70						-	21.70		
Công nghệ Internet vạn vật (IoT) (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	75	-	75	43	-	43	-	25.48	75	-	75	76	-	76	-	26.46	
Công nghệ Internet vạn vật (IoT) (A00, A01)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							-	18.4						-	18.93		

Lĩnh vực Kỹ thuật																	
Kỹ thuật Điện tử viễn thông (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							25.60	21.00						25.68	21.90	
Kỹ thuật Điện tử viễn thông (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	560	480	80	590	482	108	22.6	22.93	440	350	90	451	363	88	22.36	-
Kỹ thuật Điện tử viễn thông	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							19.45	19.63						16	19.18	
Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							-	19.05						25.40	18.00	
Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	75	-	75	79	-	79	-	27.41	145	60	85	140	64	76	-	23.11
Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							-	18.4						-	16.50	
Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật																	
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							25.10	19.00						25.01	18.15	
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử (A00, A01)	Xét tuyển kết hợp	330	250	80	324	255	69	22.5	-	310	220	90	287	230	57	21.2	-
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							19.3	-						16.45	-	



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

(A00, A01, D01) Công nghệ đa phương tiện (A00, A01, D01)	ngành THPT Xét tuyển kết hợp	290	200	90	306	199	107	26.45	22.64	320	220	100	339	233	106	26.77	22.53
Công nghệ đa phương tiện (A00, A01, D01)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							20.2	17.45							16	17.65
Truyền thông đa phương tiện (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							26.20	-							26.33	-
Truyền thông đa phương tiện (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	120	120	-	126	126	-	26.92	-	130	130	-	133	133	-	26.74	-
Truyền thông đa phương tiện (A00, A01, D01)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							20.45	-							17.65	-
Báo chí (A00, A01, D01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT							24.40	-							25.36	-
Báo chí (A00, A01, D01)	Xét tuyển kết hợp	60	60	-	64	64	-	-	-	65	65	-	68	68	-	25.24	-
Báo chí (A00, A01, D01)	Kỳ thi ĐGNL, ĐGTD							-	-							16.4	-
Chương trình Chất lượng cao																	
Công nghệ thông tin (A00, A01)	Điểm thi tốt nghiệp THPT	-	-	-	-	-	-	-	-	100	100	0	96	96	0	25.38	-
Tổng		3830	3020	810	3954	3075	879			4345	3435	910	4384	3499	885		

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gắn nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gắn nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Quản trị kinh doanh	7340101	3401/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	07/09/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	1999	2023
2	Marketing	7340115	1368/QĐ-BGDĐT	16/04/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2011	2023
3	Thương mại điện tử	7340122	534/QĐ-HV	06/07/2018			Học viện tự chủ Quyết định	2018	2023
4	Kế toán	7340301	5194/QĐ-BGDĐT	17/08/2009	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2009	2023
5	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	938/QĐ-HV	30/10/2020			Trường tự chủ Quyết định	2021	2023
6	Khoa học máy tính	7480101	216/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2022	2023
7	Công nghệ thông tin	7480201	1638/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	13/05/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	1999	2023
8	An toàn thông tin	7480202	722/QĐ-BGDĐT	25/02/2013	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2013	2023
9	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	216/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2023	2023
10	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	4047/QĐ-ĐT	04/12/1997	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	1997	2023
11	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	7520208	143/QĐ-HV	26/01/2022			Học viện tự chủ Quyết định	2022	2023
12	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hoá	7520216	100/QĐ-HV	21/01/2021			Học viện tự chủ Quyết định	2021	2023
13	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	5465/QĐ-BGDĐT	02/10/2006	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2006	2023
14	Công nghệ đa phương tiện	7329001	3756/QĐ-BGDĐT	26/08/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2011	2023
15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	1145/QĐ-BGDĐT	09/04/2015	125/QĐ-HV	26/02/2018	Bộ GD&ĐT	2015	2023
16	Báo chí	7320101	870/QĐ-HV	05/07/2022			Học viện tự chủ Quyết định	2022	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>



II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **04 phương thức tuyển sinh** như sau:

a) Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*có thông báo chi tiết riêng*).

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực đối với các thí sinh có Thành tích đoạt **giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT** cấp quốc gia (giải Khuyến khích), cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW (Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích), thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển *hoặc* là **học sinh tại các trường THPT chuyên** (*điều kiện cụ thể tại điểm b mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh*).

b) Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

c) Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp

Xét tuyển kết hợp giữa **một trong** các loại **Chứng chỉ quốc tế** (Chứng chỉ SAT/ACT) *hoặc* **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** (Chứng chỉ IELTS, TOEFL) *với* kết quả học tập ở bậc THPT (*điều kiện cụ thể tại điểm d mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh*).

d) Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD) của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (*điều kiện cụ thể tại điểm e mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh*).

1.2. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

a) Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam *hoặc* có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương *hoặc* đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

b) Đối với Phương thức 1 - Xét tuyển tài năng:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm **một trong các điều kiện** như sau:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*có thông báo chi tiết riêng*).

(2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực: thí sinh cần có thêm **một trong các điều kiện** sau đây:

Thí sinh đoạt giải **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đã **tham gia** kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đoạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học *và* có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (*nếu chưa có kết quả năm học lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

Là **học sinh chuyên** các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của **trường THPT chuyên** trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) *hoặc* **hệ chuyên** thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia; *và* có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (*nếu chưa có kết quả năm học lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c) Đối với Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành của Học viện.



Thí sinh có **Chứng chỉ quốc tế SAT**, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển) **từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

Thí sinh có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên hoặc **TOEFL iBT 65** trở lên hoặc **TOEFL ITP 513** trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

e) Đối với Phương thức 4 - Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) hoặc đánh giá tư duy (ĐGTD):

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2024 **từ 75 điểm trở lên**;

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (APT) năm 2024 **từ 600 điểm trở lên**;

Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2024 **từ 50 điểm trở lên**.

1.3. Phạm vi tuyển sinh (Địa lý)

Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó – BVH hoặc BVS).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức Tổng chỉ tiêu là **5.060**, cụ thể như sau:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh theo các Phương thức xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ghi chú
1.	Xét tuyển tài năng	10%	Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT không giới hạn chỉ tiêu
2.	Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD	15%	
3.	Xét tuyển kết hợp	25%	
4.	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	50%	
	CỘNG:	100%	

b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành và các Cơ sở đào tạo

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)
2	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	80	
3	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	240	Toán, Lý, Anh (mã A01)
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	600	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	280	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)
6	Đại học	7480101	Khoa học máy tính (<i>định hướng Khoa học dữ liệu</i>)	140	
7	Đại học	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (<i>CT Kỹ thuật dữ liệu</i>)	100	
8	Đại học	7480201_UDU	Cử nhân Công nghệ thông tin (<i>định hướng ứng dụng</i>)	280	
9	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	240	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
10	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	140	
11	Đại học	7320101	Báo chí	80	
12	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	230	
13	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	150	
14	Đại học	7340115	Marketing	220	
15	Đại học	7340301	Kế toán	120	
16	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính (<i>Fintech</i>)	130	
Các Chương trình Chất lượng cao					
1	Đại học	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	280	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
2	Đại học	7340115_CLC	Marketing	100	
3	Đại học	7340301_CLC	Kế toán (chuẩn quốc tế ACCA)	100	
TỔNG CỘNG				3900	
Các Chương trình Liên kết quốc tế					
1	Đại học	7480201_LK	Công nghệ thông tin (Liên kết với Đại học La Trobe, Australia)	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
2	Đại học	7340205_LK	Công nghệ tài chính (Liên kết với Đại học Huddersfield, Vương quốc Anh)	15	
3	Đại học	7329001_LK	Công nghệ đa phương tiện (Liên kết với Đại học Canberra, Australia)	15	

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Trình độ	Mã ngành/CT xét tuyển	Tên ngành, chương trình xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
2	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	85	
3	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	90	
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	180	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	80	
6	Đại học	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	85	
7	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	120	
8	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	
9	Đại học	7340115	Marketing	90	
10	Đại học	7340301	Kế toán	90	
Các Chương trình Chất lượng cao					
1	Đại học	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
2	Đại học	7340115_CLC	Marketing	40	
TỔNG CỘNG:				1160	



Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Học viện sẽ thông báo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển tài năng (*Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực*) và Phương thức xét tuyển kết hợp: thí sinh có kết quả điểm trung bình chung học tập các năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (*nếu chưa có kết quả năm học lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên tùy theo từng loại đối tượng;

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức *xét tuyển* dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội năm 2024 từ 75 điểm trở lên.

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2024 từ 600 điểm trở lên.

Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2024 từ 50 điểm trở lên.

Các điều kiện xét tuyển: theo quy định và lịch trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: Học bổng, nguyên tắc xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1 Chính sách học bổng

Học bổng đặc biệt: năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **30 suất học bổng đặc biệt**, giá trị mỗi suất học bổng tới **500 triệu đồng** (gồm: học phí trong toàn thời gian học, chi phí ăn ở, kinh phí nghiên cứu khoa học, thực tập ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp đối tác và các hỗ trợ khác).

Đối tượng xét cấp học bổng đặc biệt là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 29,0 điểm trở lên. Người được nhận học bổng đặc biệt phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.

Học bổng toàn phần: năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **50 suất học bổng toàn phần** với giá trị học bổng tới **250 triệu đồng** (trương đương học phí toàn khóa học của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý và Tin học. Người được nhận học bổng toàn phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.

Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 100 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 300 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các suất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR, ...

Ghi chú: Thí sinh chỉ được xét và cấp một Loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên; xét cấp học bổng thực hiện xét từ trên xuống cho đến hết số suất học bổng.

1.6.2 Nguyên tắc xét tuyển, Điểm xét tuyển, Xác nhận nhập học

a) Đối với Phương thức 1 – Xét tuyển tài năng:

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo Quy chế và Kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo, có thông báo riêng.

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL):

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo Điểm hồ sơ năng lực (Điểm HSNL);

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm HSNL = Điểm học lực + Điểm thành tích + Điểm ưu tiên (theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT). Trong đó,

Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 100;

Điểm học lực chiếm 60% (tối đa 60 điểm);

Điểm thành tích chiếm 40% (tối đa 40 điểm);

Điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được quy đổi theo thang điểm 100 tương ứng.



$$DHL = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] * 6/3$$

$$\text{với Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}] / 3$$

Điểm thành tích được xác định cụ thể như sau:

TT	Thành tích	Điểm thành tích	Ghi chú
1.	Thành tích tại kỳ thi HSG		
1.1	Giải Khuyến khích Quốc gia	40	
1.2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố TW	35	
1.3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố TW	30	
1.4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố TW	25	
1.5	Giải Khuyến khích cấp Tỉnh/Thành phố TW	20	
2.	Học sinh chuyên (không có giải)	25	

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

Nếu xét tuyển không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (thí sinh xếp nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển là nguyện vọng 1 khi đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống để được trúng tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

b) Đối với Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau (*không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp trong cùng một ngành*);

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;

Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (*không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành*), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;

Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;

Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện **không sử dụng tiêu chí phụ riêng** để xét tuyển;

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Học viện. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

c) Đối với Phương thức 3 - Xét tuyển kết hợp:

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo kết quả học tập của năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) của các môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đăng ký xét tuyển;

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên, điểm thưởng như tại mục 1.7 (nếu có);

$$ĐXT = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}. \text{ Trong đó:}$$

$$\text{Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}] / 3$$

Nếu xét tuyển không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

để được trung tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

d) Đối với Phương thức 4 - Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD:

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo điểm xét tuyển đã quy đổi về thang điểm 30;

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;

Điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về theo thang điểm 30 như sau:

ĐXT theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm ĐGNL} * 30/150 + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

ĐXT theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm ĐGNL} * 30/1200 + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

ĐXT theo kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm ĐGTD} * 30/100 + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Nếu xét tuyển theo phương thức dựa vào kết quả bài thi ĐGNL hoặc ĐGTD không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (thí sinh xếp nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển là nguyện vọng 1 khi đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống để được trúng tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

e) Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu để xét tuyển.

1.7. Chính sách ưu tiên

a) Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (có Thông báo riêng);

b) Chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trong đó, Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp (thí sinh tốt nghiệp năm 2024 và năm 2023).

c) Chính sách ưu tiên của Học viện đối với các phương thức xét tuyển sớm (xét tuyển tài năng, xét tuyển kết hợp và xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy):

Quy đổi điểm Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: Áp dụng Đối với Phương thức xét tuyển kết hợp.

Thí sinh được phép quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển khi có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Cụ thể:

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Điểm quy đổi (*)
1	7.5 – 9.0	Từ 102 điểm trở lên	Từ 627 điểm trở lên	10 điểm
2	7.0	90 – 101	590 – 626	9,5 điểm
3	6.5	79 – 89	561 – 589	9,0 điểm
4	6.0	72 – 78	543 – 560	8,5 điểm
5	5.5	61 – 71	500 – 542	8,0 điểm

(*): Chỉ quy đổi điểm môn tiếng Anh trong Điểm xét tuyển (điểm xét tuyển cuối cùng), không quy đổi điểm môn tiếng Anh của từng năm học

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải: Áp dụng Đối với Phương thức xét tuyển kết hợp và Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD



TT	Loại Giải đạt được	Điểm cộng
1	Giải Khuyến khích cấp Quốc gia	Được cộng 3,0 (ba) điểm
2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 2,5 (hai phẩy năm) điểm
3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 2,0 (hai) điểm
4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
5	Giải Khuyến khích cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW	Được cộng 1,0 (một) điểm

d) Cách tính điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên, Điểm thường (ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy chế tuyển sinh, điểm thường) gọi chung là Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (*áp dụng theo thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30*) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}^{(*)})/7,5] \times [\text{Điểm ưu tiên theo QC (nếu có)} + \text{Điểm thường (nếu có)}]$$

(*) Tổng điểm đạt được là điểm xét tuyển (không gồm điểm ưu tiên) tương ứng với từng phương thức xét tuyển (là Kết quả thi tốt nghiệp THPT đối với PTXT dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc Kết quả học tập THPT đối với PTXT kết hợp hoặc kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy sau quy đổi về thang điểm 30 đối với PTXT dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy).

Đối với Phương thức xét tuyển tài năng theo thang điểm 100, các mức điểm trong xác định điểm ưu tiên được quy đổi theo thang điểm 100. Cụ thể, thí sinh đạt tổng điểm từ 75 điểm trở lên, điểm ưu tiên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(100 - \text{Điểm HSNL đạt được}^{(*)})/25] \times [\text{Điểm ưu tiên theo QC (nếu có)}]$$

1.8. Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
3	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
4	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	7520208	A00, A01
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
6	Cử nhân Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng)	7480201_UDU	A00, A01
7	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
8	Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)	7480101	A00, A01
9	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu)	7480102	A00, A01
10	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
11	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
12	Báo chí	7320101	A00, A01, D01
13	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
14	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01
15	Marketing	7340115	A00, A01, D01
16	Kê toán	7340301	A00, A01, D01
17	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	A00, A01, D01
18	Công nghệ thông tin_CLC	7480201_CLC	A00, A01
19	Marketing_CLC	7340115_CLC	A00, A01, D01
20	Kê toán_CLC (chuẩn quốc tế ACCA)	7340301_CLC	A00, A01, D01
21	Công nghệ thông tin (Liên kết với Đại học La Trobe, Australia)	7480201_LK	A00, A01
22	Công nghệ tài chính (Liên kết với Đại học Huddersfield, Vương quốc Anh)	7340205_LK	A00, A01, D01
23	Công nghệ đa phương tiện (Liên kết với Đại học Canberra, Australia)	7329001_LK	A00, A01, D01

1.9. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

a) Phương thức 1 – Xét tuyển tài năng

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Theo quy định và theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực:

Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT: Từ 15/04/2024 đến hết 20/05/2024;

Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: thí sinh khai hồ sơ, đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ <https://xettuyen.ptit.edu.vn> và nộp hồ sơ (gửi qua đường Bưu điện, không nhận hồ sơ trực tiếp) cho các Cơ sở đào tạo của Học viện;

Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến cuối tháng 5/2024.

b) Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Hình thức ĐKXT: Trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thời gian xét tuyển: Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Các điều kiện xét tuyển: Không tổ chức sơ tuyển

c) Phương thức 3, 4 - Xét tuyển kết hợp và xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD

Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT: Từ 15/04/2024 đến hết 25/05/2024;

Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: thí sinh khai hồ sơ, đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ <https://xettuyen.ptit.edu.vn> và nộp hồ sơ (gửi qua đường Bưu điện, không nhận hồ sơ trực tiếp) cho các Cơ sở đào tạo của Học viện;

Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến đầu tháng 6/2024.

1.10. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Học phí chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 39 triệu đồng đến 55 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học;

Học phí chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng năm học 2024-2025: trung bình khoảng 35 triệu đồng đến 37 triệu đồng/năm;

Học phí chương trình liên kết quốc tế năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 49 triệu đồng đến 55,5 triệu đồng/năm tùy theo từng chương trình;

Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm học: Mức học phí điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng đào tạo và đảm bảo tỷ lệ tăng không quá 15%/năm (theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ).

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Tuyển sinh đợt 1: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Tuyển sinh bổ sung: sẽ có thông báo riêng trước 15 ngày thí sinh đăng ký xét tuyển.

1.13. Các nội dung khác

1.13.1 Chương trình chất lượng cao:

Năm 2024, Học viện tuyển sinh 600 chỉ tiêu vào các **chương trình chất lượng cao** (chương trình chất lượng cao do Học viện tự xác định) với nội dung, chất lượng chương trình đào tạo có nhiều ưu việt, nhiều lợi thế đối với người học và với quy mô lớp nhỏ. Cụ thể gồm có các chương trình chất lượng cao: Công nghệ thông tin, Marketing số, Kế toán theo chuẩn quốc tế ACCA.

1.13.2 Chương trình liên kết quốc tế

Năm 2024, Học viện triển khai tuyển sinh các chương trình liên kết quốc tế: (1) Chương trình liên kết quốc tế 2+2 cấp bằng Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học La Trobe (Úc); (2) Dự kiến tuyển sinh Chương trình liên kết quốc tế 3+1 hoặc 2+2 cấp bằng Cử nhân Đa Phương Tiện của Đại học Canberra (Úc); (3) Dự kiến tuyển sinh Chương trình liên kết quốc tế 3+1 hoặc 2+2 theo hình thức đơn bằng hoặc song bằng ngành Công nghệ tài chính với Đại học Huddersfield, Vương quốc Anh trong năm 2024; với nội dung chương trình đào tạo nhiều ưu việt, đồng thời có nhiều cơ hội việc làm và định cư ở nước ngoài sau tốt nghiệp (*Thông tin chi tiết tại: <https://cie.ptit.edu.vn>, <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>*).

1.13.3 Phân loại và xếp lớp học tiếng Anh:

Sau khi nhập học, Học viện sẽ tổ chức kỳ kiểm tra phân loại đầu vào tiếng Anh để tiến hành xếp lớp theo trình độ tiếng Anh cho sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Anh sẽ đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh là TOEIC 450 điểm quốc tế (đối với hệ đại trà) và TOEFL iBT 70 điểm quốc tế (đối với các chương trình chất lượng cao).

1.13.4. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

a) **Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện:**

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): <https://ptit.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): <https://ptithcm.edu.vn>

b) **Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:**

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): (024) 33528122, (024) 33512252

Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): (028) 38297220

c) **Trang tư vấn trực tuyến:** Inbox trên trang Fanpage tuyển sinh hoặc trên cổng thông tin tuyển sinh

d) **Fanpage:** <https://facebook.com/ptittuyensinh>; <https://facebook.com/ptithcm.edu.vn>

e) **Zalo:** Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925)

1.13.5. Ký túc xá:

Cơ sở phía Bắc có 200 chỗ cho sinh viên khóa mới, Cơ sở phía Nam có đầy đủ số chỗ cho sinh viên khóa mới.

1.14. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước



ST	Tên doanh nghiệp hợp tác	Nội dung hợp tác	Thời gian
1	Học viện Công nghệ Shibaura (Nhật Bản)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Hỗ trợ các chương trình học bổng trao đổi sinh viên	2017-2028
2	Viện JAIST Nhật Bản	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật,- Hỗ trợ các chương trình học bổng cho học viên cao học ngành công nghệ thông tin	2020-2028
3	ĐH Lille 1-Khoa học và Công nghệ (Pháp)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Trao đổi giảng viên, sinh viên- Thực hiện các đề tài nghiên cứu chung	2020-2025
4	ĐH Busan (Hàn Quốc)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Trao đổi giảng viên, sinh viên	2018-2023
5	Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về ngành tài chính, kế toán Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Tổ chức các khóa đào tạo về ngành tài chính, kế toán	2018-2026
6	Đại học La Trobe (Úc)	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế 2+2 cấp bằng Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học La Trobe (Úc)	2020-2025
7	ĐH Huddersfield (Vương quốc Anh)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về ngành công nghệ tài chính Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Trao đổi giảng viên, sinh viên- Thực hiện các đề tài nghiên cứu chung- Tổ chức các buổi thuyết giảng, hội thảo	2020-2025



CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

8	ĐH Aizu (Nhật Bản)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông	2021-2025
9	Trung tâm Phát triển Tin học Nâng cao (CDAC- Ấn Độ)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Hỗ trợ thành lập Trung tâm Đào tạo và Phát triển phần mềm chất lượng cao tại cơ sở của Học viện tại TP.HCM- Hỗ trợ các thiết bị phục vụ công tác đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin	2020 đến khi dự án kết thúc
10	Viện NICT (Nhật Bản)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Hỗ trợ các dự án, đề tài nghiên cứu về công nghệ thông tin và viễn thông do Học viện chủ trì hoặc tham gia	2021-2026
11	Tập đoàn HCL (Ấn Độ)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Tài trợ Phòng Lab 5G, tiến hành các dự án nghiên cứu- Tổ chức các buổi thuyết giảng, hội thảo- Tổ chức chương trình hợp tác đào tạo ngắn hạn cho sinh viên	2021-2024
12	Viện Công nghệ Kyushu (KyuTech-Nhật Bản)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Trao đổi học thuật- Trao đổi sinh viên, giảng viên	2021-2026
13	Công ty Samsung Electronics Vietnam	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Xây dựng và hỗ trợ vận hành cho 01 phòng lab nghiên cứu về công nghệ thông tin tại Học viện- Hỗ trợ chương trình ương mầm tài năng và học bổng cho sinh viên- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo về ứng dụng thuật toán- Hỗ trợ thực hiện các đề tài nghiên cứu- Hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Học viện	2022-2025



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

14	ĐH Chung Ang (Hàn Quốc)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về các lĩnh vực công nghệ và truyền thông, thiết kế... Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Trao đổi học thuật - Trao đổi sinh viên, giảng viên	2023-2028
15	ĐH Seoul Cyber (Hàn Quốc)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Trao đổi học thuật - Trao đổi sinh viên, giảng viên - Nghiên cứu chung - Hợp tác đào tạo - Hỗ trợ kỹ thuật đào tạo online	2023-2028
16	ĐH Deakin (Australia)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Trao đổi học thuật - Trao đổi sinh viên, giảng viên - Nghiên cứu chung - Hợp tác đào tạo - Hợp tác trong các chương trình CNTT, Khoa học máy tính, Trí tuệ nhân tạo..	2023-2028
17	ĐH Western Sydney (Australia)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Trao đổi học thuật - Trao đổi sinh viên, giảng viên - Nghiên cứu chung - Hợp tác đào tạo	2023-2028
18	Hội Trí thức và Chuyên gia Việt Nam tại Australia	Hợp tác trong các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu và đào tạo, trao đổi chuyên gia, sinh viên, học viên...	2023-2028
19	Công ty Evo Labs (Singapore)	Hợp tác trong các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu và đào tạo, hỗ trợ các hoạt động trao đổi, thực tập... đặc biệt trong lĩnh vực CNTT, An toàn thông tin, Hỗ trợ các khóa học trang bị kỹ năng giao tiếp cho học viên công nghệ...	2023-2026
20	Công ty People Dream (Hàn Quốc)	Hợp tác trong các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu và đào tạo	2023-2028
21	ĐH Công nghệ Sydney (Australia)	Hợp tác trong đào tạo sau đại học các ngành công nghệ	2023-2028

TT	Tên doanh nghiệp hợp tác	Nội dung hợp tác	Thời gian
22	Tập đoàn Naver (Hàn Quốc)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Xây dựng 01 phòng lab nghiên cứu về công nghệ trí tuệ nhân tạo và đa phương tiện - Xây dựng các bộ bài giảng, học liệu số - Tổ chức các khóa đào tạo về trí tuệ nhân tạo cho sinh viên - Tiến hành 05 dự án, đề tài nghiên cứu - Trao tặng 05 suất học bổng cho các nghiên cứu sinh và học viên cao học của Học viện	2021-nay
23	Tập đoàn Qualcomm (Hoa Kỳ)	Hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo về công nghệ, đặc biệt là về các ngành viễn thông Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: - Trao đổi học thuật - Hỗ trợ 04 dự án nghiên cứu của Học viện về công nghệ và viễn thông	2021-nay

1.14.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.15. Tài chính

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM (Mẫu số 01)

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA (Mẫu số 02)

Toàn văn đề án tuyển sinh



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**



**CÔNG THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**



ĐỊA CHỈ HỌC VIỆN

Trụ sở chính

122 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Cơ sở đào tạo tại Hà Nội

Km10, Đường Nguyễn Trãi, Q. Hà Đông, Hà Nội

Học viện cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh

11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1 TP Hồ Chí Minh

Cơ sở đào tạo tại TP Hồ Chí Minh

Đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, Q.9 TP Hồ Chí Minh

ĐƯỜNG DẪN

Cổng thông tin học viện

<https://portal.ptit.edu.vn/>

Tra cứu xác thực văn bằng

<https://vanbang.ptit.edu.vn/>

Cổng thông tin đào tạo Học viện

<https://daotao.ptit.edu.vn/>

Xem bản đồ Học viện

<https://maps.app.goo.gl/zEYSKsHuQYEpT4Ff9>

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Số điện thoại

(024) 33528122

Email

tuyensinh@ptit.edu.vn

Fagepage Tuyển sinh PTIT

<https://www.facebook.com/ptittuyensinh/>

Địa chỉ

Phòng Đào tạo - Học viện CN BCVT

VỀ CHÚNG TÔI

Trang chủ

Giới thiệu

Thông báo

Đề án tuyển sinh

Tra cứu tuyển sinh